

ĐỀ THI TRẮC NGHIỆM NỘI TIẾT Y4  
THỜI GIAN LÀM BÀI: 80 phút

CHỈ CHỌN MỘT CÂU ĐÚNG NHẤT

ĐỀ A      MÃ ĐỀ: 246

1. Đặc điểm nào sau đây KHÔNG ĐÚNG về Tam chứng Whipple trong hạ đường huyết:  
☐ A- Triệu chứng hạ đường huyết xuất hiện sau ăn > 8 giờ  
☐ B- Đo đường huyết < 45-50mg/dL.  
☒ C- Triệu chứng hạ đường huyết xuất hiện sau ăn > 2 giờ  
☐ D- Triệu chứng hết khi uống hay tiêm glucose  
☐ E- Thường do nguyên nhân thực thể
2. Triệu chứng nào sau đây điển hình nhất cho hôn mê hạ đường huyết:  
☐ A- Vã mồ hôi lạnh.  
☐ B- Hô hấp đánh trống ngực. *Tim đập nhanh*  
☐ C- Khát nước.  
☒ D- Song thị.  
☐ E- Mất tập trung.
3. Điều trị ưu tiên khi xử trí hôn mê do hạ đường huyết:  
☐ A- Truyền dung dịch glucose 5%  
☐ B- Tiêm bắp 1mg glucagon  
☐ C- Cho bệnh nhân thở oxy  
☒ D- Tiêm tĩnh mạch trực tiếp 20-30ml glucose 30%  
☐ E- Tiêm tĩnh mạch 100mg hydrocortisone
4. Định lượng tinh nào tin cậy nhất trong chẩn đoán hội chứng Cushing:  
☐ A- Cortisol máu sáng đói.  
☐ B- 17-OH corticosteroid /nước tiểu 24 giờ.  
☒ C- Cortisol tự do nước tiểu 24 giờ.  
☐ D- 17 cetosteroid /nước tiểu 24 giờ.  
☐ E- DHEA sulfat máu.
5. Các thuốc sau đây có thể gây hạ đường huyết, NGOẠI TRỪ:  
☒ A- Aspirin ở trẻ em.  
☐ B- Sulfonylurea.  
☐ C- Quinin trên bệnh nhân suy thận.  
☐ D- Propranolol.  
☒ E- Metformin.
6. Những nguyên nhân gây hạ đường huyết (bệnh lý), NGOẠI TRỪ:  
☐ A- Bệnh nhân đái tháo đường dùng quá liều insulin  
☐ B- U tế bào beta tuyến tụy tiết insulin  
☐ C- Uống quá liều thuốc thuộc nhóm sulfonylurea  
☐ D- Bệnh nhân đái tháo đường đang điều trị thuốc, tiết chế bằng nhịn ăn quá mức  
☒ E- Do dùng thuốc thuộc nhóm ức chế men alpha-glucosidase
7. Bệnh nhân nữ 45 tuổi, đến khám để tầm soát bệnh đái tháo đường. Bệnh nhân béo phì và có chỉ ruột mắc bệnh đái tháo đường. Sau khi xét nghiệm, bệnh nhân được chẩn đoán là rối loạn đường huyết đói và rối loạn dung nạp glucose. Kết quả nào sau đây là phù hợp với chẩn đoán trên:  
☐ A- Đường huyết đói 105 mg%, đường huyết 2 giờ sau uống 75g glucose 136 mg%  
☒ B- Đường huyết đói 107 mg%, đường huyết 2 giờ sau uống 75g glucose 167 mg%  
☐ C- Đường huyết đói 98 mg%, đường huyết 2 giờ sau uống 75g glucose 129 mg%  
☐ D- Đường huyết đói 96 mg%, đường huyết 2 giờ sau uống 75g glucose 148 mg%  
☐ E- Đường huyết đói 100 mg%, đường huyết 2 giờ sau uống 75g glucose 212 mg%
8. Biểu hiện mắt của bệnh Basedow, CHỌN CÂU SAI:  
☐ A- Lồi mắt  
☐ B- Co kéo cơ mí trên  
☒ C- Bán manh thái dương  
☐ D- Liệt cơ vận nhãn  
☐ E- Loét giác mạc
9. Thời gian điều trị nội khoa trung bình của bệnh Basedow:  
☐ A- 1 - 2 tuần  
☐ B- 1 - 2 tháng  
☐ C- 3 - 6 tháng  
☐ D- 6 - 9 tháng  
☒ E- 12 - 18 tháng
10. Kháng thể kháng tuyến giáp (TPO-Ab) có hiệu giá cao gặp trong:  
☐ A- Bướu giáp đơn thuần  
☐ B- Nhân độc giáp  
☒ C- Viêm giáp Hashimoto  
☐ D- Ung thư giáp  
☐ E- Cường giáp do quá tải iod.
11. Bệnh nhân nam 44 tuổi, đến khám vì có cha ruột vừa qua đời vì nhồi máu cơ tim cấp trên cơ địa đái tháo đường type 2. Bệnh nhân hoàn toàn

không có triệu chứng lâm sàng tăng đường huyết. Xét nghiệm đường huyết đôi lúc tăng

131. Thái độ xử trí tiếp theo là:

- A- Làm nghiệm pháp dung nạp glucose 75g
- ☒ B- Hẹn một tuần sau làm lại xét nghiệm đường huyết đôi lần hai
- C- Làm xét nghiệm HbA1c
- D- Làm xét nghiệm đường huyết hai giờ sau ăn
- E- Bệnh nhân được chẩn đoán đái tháo đường và chỉ định điều trị ngay

12. Triệu chứng lâm sàng nào chứng tỏ bệnh Basedow có tính chất bệnh tự miễn:

- A- Bướu giáp mạch
- B- Co kéo cơ mí trên
- ☒ C- Đốm vitiligo
- D- Móng tay Plummer
- E- Run tay

13. Thuốc kháng giáp tổng hợp có các tính chất sau, NGOẠI TRỪ:

- ☒ A- Có thể qua nhau thai
- B- Gây rối loạn chức năng gan
- C- Gây suy giáp vĩnh viễn
- D- Gây giảm bạch cầu hạt
- E- Ức chế men peroxidase

14. Triệu chứng nào không gặp trong suy giáp:

- A- Nhịp tim chậm.
- B- Huyết áp thấp.
- C- Sợ lạnh.
- D- Da niêm nhợt.
- ☒ E- Phù mềm ấn lõm.

15. Triệu chứng nào sau đây không gặp trong bệnh Basedow:

- A- Hay ra mồ hôi, sợ nóng
- B- Run tay ngón chỉ, biên độ nhỏ, tần số nhanh
- C- Teo cơ chu vai, yếu cơ tứ đầu đùi
- ☒ D- Cao huyết áp tâm trương
- E- Phù niêm trước xương chày

16. Bệnh Basedow (bệnh Graves), chọn một CÂU SAI:

- A- Là một nguyên nhân gây cường giáp thường gặp
- B- Hay xảy ra ở phụ nữ lứa tuổi 20 - 50
- C- Là bệnh có cơ chế tự miễn.
- ☒ D- Điều trị hàng đầu là dùng các thuốc ức chế miễn dịch.
- E- Có 3 phương pháp điều trị chính: nội khoa, phẫu thuật và đồng vị phóng xạ.

17. Thuốc kháng giáp tổng hợp được sử dụng trong điều trị bệnh Basedow (bệnh Graves):

- A- Qua được nhau và sữa mẹ.
- B- Cơ chế chính là ức chế thu nhận iod từ thực phẩm.
- C- Gây suy giáp bất hồi phục.
- ☒ D- Tác dụng phụ làm tăng bạch cầu.
- E- Thời gian điều trị tấn công là 2-4 tuần.

18. Biến chứng thường gặp nhất của điều trị bằng iod đồng vị phóng xạ I-131:

- ☒ A- Suy giáp
- B- Con bão giáp
- C- Ung thư máu
- D- Ung thư hạch
- E- Rối loạn di truyền

19. Chẩn đoán đái tháo đường theo tiêu chí nào là đúng:

- ☒ A- Đường huyết lúc đói  $\geq 126$  mg/dL
- B- Đường huyết lúc đói  $\geq 116$  mg/dL
- C- Đường huyết lúc đói  $\geq 140$  mg/dL
- D- Đường huyết bất kỳ  $\geq 140$  mg/dL kèm triệu chứng tăng đường huyết
- E- Đường huyết 2 giờ sau khi uống 150g glucose  $\geq 200$  mg/dL

20. HbA1c nên kiểm tra lại sau thời gian:

- A- 1 tuần
- B- 3 tuần
- C- 1 tháng
- ☒ D- 3 tháng - 6 tháng
- E- 1 năm

21. Biểu hiện tim mạch hay gặp nhất trong bệnh Basedow là:

- A- Suy tim ứ huyết, giảm sức co bóp cơ tim
- ☒ B- Nhịp tim nhanh
- C- Huyết áp thấp, huyết áp tâm thu giảm
- D- Ngoại tâm thu thất
- E- Thiếu máu cơ tim, cơn đau thắt ngực

22. Triệu chứng nào sau đây là một biểu hiện của bệnh Addison:

- ☒ A- Huyết áp kẹt.
- B- Thèm ăn, ăn nhiều.
- C- Vết rạn da bụng.
- D- Uống nhiều-tiểu nhiều-sự cân nhiều.
- E- Mệt liên tục trong ngày (không có tính chất chu kỳ).

23. Triệu chứng nào sau đây gợi ý suy thượng thận mạn mất bù cấp tính:

- ☒ A- Hạ huyết áp tư thế.
- B- Thèm ăn mặn.
- C- Đau thượng vị.
- D- Uống nhiều- tiểu nhiều.
- E- Tiểu chảy.



24. Chỉ định truyền bicarbonate trên bệnh nhân nhiễm ceton acid do tăng đường huyết:
- A- pH máu nhỏ hơn hay bằng 7,2
  - ☒ B- pH máu < 7,1
  - C- pH máu < 7,0
  - D- Có mất nước nặng
  - E- đường huyết tăng trên 600 mg%.
25. Bệnh Đái tháo đường type 1 có đặc điểm:
- A- Có thể dùng nhóm thuốc ức chế men alpha-glucosidase là điều trị ưu tiên.
  - B- Nguy cơ hay gặp khi tự ngưng thuốc là hôn mê tăng áp lực thẩm thấu.
  - C- Chỉ xuất hiện triệu chứng điển hình khi tế bào beta tụy bị hủy trên 90%.
  - ☒ D- Là chẩn đoán duy nhất khi Đái tháo đường khởi phát trước 30 tuổi.
  - E- Phải cho tầm soát vi đạm niệu ngay khi bệnh được chẩn đoán.
26. Tốc độ dịch phải bù trong 4 giờ đầu đối với hôn mê nhiễm ceton acid là:
- ☒ A- 1 lít / giờ.
  - B- 0,5 lít / giờ.
  - C- 1,5 lít / giờ.
  - D- 2 lít / giờ.
  - E- 2,5 lít / giờ.
27. Bệnh nhân nữ 44 tuổi vừa được chẩn đoán là đái tháo đường. Bệnh nhân có cân nặng 65 kg với chiều cao 152 cm và vòng eo 97 cm. Thuốc ưu tiên được chọn trên bệnh nhân này là:
- A- Sulfonylurea
  - ☒ B- Biguanide
  - C- Glinide
  - D- Ức chế men alpha glucosidase
  - E- Thiazolidine-dione
28. Yếu tố nào sau đây KHÔNG được xem là yếu tố nguy cơ đái tháo đường:
- ☒ A- Béo phì nhất là độ tuổi thanh thiếu niên
  - B- Thích ăn ngọt
  - C- Có tiền sử đái tháo đường thai kỳ
  - D- Có tiền căn gia đình đái tháo đường
  - E- Sử dụng thuốc lợi tiểu thiazide
29. Triệu chứng lâm sàng KHÔNG gặp trong Basedow:
- A- Dấu vitiligo
  - B- Dấu Lid-lag
  - C- Bướu giáp to lan tỏa có âm thổi
  - ☒ D- Phù niêm toàn thân
  - E- Run tay.
30. Tỷ lệ tái phát sau điều trị nội khoa Basedow là:
- A- 10-20%
  - B- 20-30%
  - ☒ C- 40-50%
  - D- 80-90 %
  - E- Không tái phát.
31. Triệu chứng tim mạch của cường giáp, CHON CÁU SAI:
- A- Nhịp tim nhanh khi nghỉ
  - B- Tiếng T1 mạnh
  - ☒ C- Hiệu số huyết áp hẹp
  - D- Mờm tim tăng động
  - E- Âm thổi vùng trước tim
32. Triệu chứng của cường giáp, NGOẠI TRỪ:
- A- Dễ cáu gắt
  - B- Liệt chu kỳ do hạ kali máu
  - ☒ C- Ngủ gà
  - D- Có thể rối loạn tâm thần
  - E- Run tay
33. Bệnh nhân nữ, 25 tuổi, đến khám vì sụt cân 4 kg trong 2 tháng, cảm thấy hồi hộp đánh trống ngực, nóng bức, khó ngủ, run tay. Khám thấy lòng bàn tay ẩm, ẩm, mịn; nhịp tim nhanh 104 lần/phút; run tay với biên độ nhỏ, đều và nhanh; co kéo cơ mí trên. Bướu giáp độ II, lan tỏa, nghe có âm thổi tâm thu. Chẩn đoán phù hợp nhất đối với bệnh nhân này:
- A- Cường giáp
  - B- Bướu giáp đơn thuần
  - ☒ C- Basedow
  - D- Viêm giáp Hashimoto
  - E- Bướu giáp nhân hóa độc
34. Bệnh Basedow: CHON MỘT CÁU SAI.
- A- Là bệnh lý có cơ chế tự miễn.
  - B- Có thể đi kèm lồi mắt hoặc phù niêm trước xương chày.
  - ☒ C- FT4 giảm; TSH tăng.
  - D- Điều trị thường không cần dùng thuốc ức chế miễn dịch corticoid.
  - E- Thời gian một đợt điều trị nội khoa nên kéo dài 12 đến 18 tháng.
35. Nguyên nhân gây ra bệnh Cushing:
- A- Adenoma thượng thận tiết cortisol
  - B- Carcinoma thượng thận tiết aldosteron
  - C- U thượng thận hai bên
  - ☒ D- U tuyến yên tiết ACTH
  - E- U tuyến yên tiết CRH
36. Triệu chứng thuộc biến chứng thần kinh thực vật do đái tháo đường:
- A- Giảm cảm giác rung vô xương.
  - ☒ B- Giảm tiết mồ hôi nửa thân dưới, tăng tiết mồ hôi nửa thân trên.
  - C- Cảm giác tê, kiến bò hai chi dưới tăng lên về đêm.

- D- Giảm phân và gần gũi.  
E- Một cảm giác hai chỉ dưới.
37. Bệnh chứng cần lưu ý hay gặp ở trẻ em trong điều trị hôn mê nhiễm ceton acid:  
A- Hạ kali máu  
B- Hạ đường huyết.  
C- Suy thận  
☒ D- Phù não.  
E- Viêm tụy cấp.
38. Xét nghiệm nào giúp đánh giá tình trạng toan máu tốt nhất nếu không đo được pH máu động mạch trong nhiễm toan ceton do tăng đường huyết:  
A- Ceton máu  
B- Ceton niệu  
C- BUN, Creatinine  
☒ D- Dự trữ kiềm  
E- Khoảng trống anion
39. Trong trường hợp suy giáp, xét nghiệm nào sau đây giúp phân biệt suy giáp nguyên phát và thứ phát:  
☒ A- TSH huyết thanh  
B- FT4 (T4 tự do) huyết thanh  
C- FT3 (T3 tự do) huyết thanh  
D- Định lượng kháng thể kháng TPO  
E- Kháng thể kháng thụ thể TSH (TR-Ab)
40. Bệnh nhân nữ 36 tuổi đến khám than phiền mấy tháng nay tăng cân, sợ lạnh, táo bón. Xét nghiệm nào sau đây thích hợp nhất để chẩn đoán xác định suy giáp:  
A- FT3 và TSH  
B- Thyroglobulin  
C- Anti TPO  
☒ D- FT4 và TSH  
E- TSH
41. Trong số các triệu chứng sau, triệu chứng nào thuộc về hội chứng đề kháng insulin:  
A- Uống nhiều, tiểu nhiều  
B- Sụt cân nhiều  
☒ C- Mập phì trung tâm  
D- Hạ huyết áp tư thế  
E- Tiền căn gia đình có bệnh đái tháo đường
42. Khi dùng Thiazolidinedione điều trị bệnh đái tháo đường phải thận trọng trên:  
A- Bệnh nhân suy thận  
☒ B- Bệnh nhân suy tim  
C- Bệnh nhân có bệnh lý vồng mạc  
D- Bệnh nhân có tiền căn tai biến mạch máu não  
E- Bệnh nhân béo phì
43. Công thức nào hay dùng nhất trong điều trị hôn mê nhiễm ceton acid:  
☒ A- NaCl 0,9% + Insulin thường truyền tĩnh mạch + NaHCO<sub>3</sub> 1,4%.  
B- Lactat Ringer + Insulin thường truyền tĩnh mạch + NaHCO<sub>3</sub> 1,4%.  
C- NaCl 0,45% + Insulin thường truyền tĩnh mạch + KCl.  
D- NaCl 0,9% + Insulin thường truyền tĩnh mạch + KCl.  
E- NaCl 0,45% + Insulin thường truyền tĩnh mạch + NaHCO<sub>3</sub> 1,4%.
44. Bệnh nhân nam 68 tuổi, đến khám vì phát hiện đái tháo đường. Bệnh nhân có tiền căn tăng huyết áp 5 năm, điều trị không đều. Xét nghiệm nào sau đây là cần thiết nhất để quyết định sử dụng thuốc Biguanide (Metformin):  
A- Đường huyết đói  
B- HbA1c  
☒ C- Creatinin huyết thanh  
D- Đường niệu  
E- Albumin niệu 24 giờ
45. Biểu hiện điện tâm đồ thường gặp trong hội chứng cường giáp:  
A- Suy nút xoang.  
B- Blocc nhánh trái.  
C- Nhịp bộ nổi.  
☒ D- Rung nhĩ đáp ứng thất nhanh.  
E- Blocc nhĩ thất độ II, III.
46. Điều trị suy giáp bằng hormon giáp:  
☒ A- Nên khởi đầu bằng liều thấp tăng dần  
B- Chỉ bắt đầu điều trị khi lâm sàng có phù niêm  
C- Nên chia thuốc ra làm nhiều lần trong ngày  
D- Thuốc ưu tiên lựa chọn là thyronin (T3)  
E- Thuốc được cho uống sau bữa ăn
47. Hội chứng bốn nhiều là đặc trưng cơ bản cho bệnh đái tháo đường týp 1. Hãy sắp xếp theo thứ tự các triệu chứng dựa trên cơ chế bệnh sinh:  
A- Uống nhiều, tiểu nhiều, sụt cân nhiều, ăn nhiều  
B- Tiểu nhiều, sụt cân nhiều, ăn nhiều, uống nhiều  
☒ C- Tiểu nhiều, uống nhiều, sụt cân nhiều, ăn nhiều  
D- Uống nhiều, ăn nhiều, sụt cân nhiều, tiểu nhiều  
E- Uống nhiều, sụt cân nhiều, tiểu nhiều, ăn nhiều



48. Nguyên nhân nào sau đây KHÔNG PHẢI là nguyên nhân gây suy giáp tại tuyến giáp:

- A- Viêm giáp Hashimoto.
- ☒ B- Điều trị loét dòng vị phòng xạ
- C- Hội chứng Sheehan.
- D- Dùng thuốc kháng giáp tổng hợp.
- E- Phẫu thuật cắt tuyến giáp.

49. Triệu chứng lâm sàng nào sau đây KHÔNG phù hợp suy giáp nguyên phát:

- A- Da khô, nhiều nếp nhăn.
- B- Nhịp tim chậm < 60 lần/phút.
- C- Táo bón kéo dài.
- D- Lông, tóc khô dễ rụng.
- ☒ E- Gây sụt cân.

50. Bệnh nhân nữ 30 tuổi đến khám vì có tiền căn gia đình mắc bệnh đái tháo đường typ 2. Bệnh nhân làm thư ký văn phòng và có lối sống tĩnh tại ít vận động. Sau khi xét nghiệm, bệnh nhân được chẩn đoán rối loạn đường huyết đói. Kết quả nào sau đây là phù hợp với chẩn đoán trên:

- ☒ A- Đường huyết đói 117 mg%, đường huyết sau ăn hai giờ 138 mg%
- B- Đường huyết đói 124 mg%, đường huyết sau ăn hai giờ 172 mg%
- C- Đường huyết đói 98 mg%, Đường huyết sau ăn hai giờ 188 mg%
- D- Đường huyết đói 122 mg%, đường huyết sau ăn hai giờ 200 mg%
- E- Đường huyết đói 132 mg%, đường huyết sau ăn hai giờ 199 mg%

51. Bệnh nhân đái tháo đường được chỉ định dùng insulin. Mức độ hấp thu insulin tùy thuộc vào vị trí tiêm. Thứ tự mức độ hấp thu nào sau đây là đúng:

- A- Đùi > cánh tay > bụng
- B- Đùi > bụng > cánh tay
- ☒ C- Bụng > cánh tay > đùi
- D- Cánh tay > đùi > bụng
- E- Bụng > đùi > cánh tay

52. Bệnh nhân đái tháo đường typ 1 phải dùng insulin tiêm mỗi ngày. Hướng dẫn cách tiêm insulin nào sau đây là đúng:

- A- Phải sát trùng bằng cồn cần thận tại nơi tiêm
- B- Tiêm dưới da phải nổi phồng nốt da cam
- C- Trước khi rút thuốc không cần ủ ấm chai insulin
- ☒ D- Sau khi bơm hết thuốc nên giữ lại 5-10 giây trước khi rút kim ra
- E- Không nên thay đổi nơi tiêm insulin

53. Bệnh lý mạch máu nhỏ do đái tháo đường: chọn một câu sai

- A- Gây tổn thương cơ quan đích là thận, mắt, thần kinh
- ☒ B- Gây suy mạch vành
- C- Có thể kiểm soát bằng vi dam niệu
- D- Có thể phòng ngừa bằng kiểm soát tốt đường huyết và huyết áp
- E- Khi đã có tổn thương thận thường là đã có tổn thương ở đáy mắt

54. Nhịp thở Kussmaul: chọn CÂU SAI

- A- Gặp trong trường hợp toan máu như nhiễm ceton acid
- B- Là nhịp thở 4 thì
- C- Thường xảy ra khi pH máu < 7.1
- D- Cải thiện tốt khi khoảng trống anion trở lại bình thường
- ☒ E- Chứng tỏ trung khu hô hấp bị ức chế

55. Thông tin nào sau đây về thuốc insulin là đúng nhất:

- A- Insulin heo và bò được sản xuất theo phương pháp tái tổ hợp di truyền
- B- Insulin của động vật có cấu trúc giống với insulin người
- C- Độ tinh khiết của insulin tính bằng đơn vị IU
- D- Insulin người thường hay gây đề kháng insulin
- ☒ E- Phải dùng ống tiêm chia 40 đơn vị cho chai insulin U40

56. Bệnh nhân đái tháo đường cần được hướng dẫn các điều sau đây, NGOẠI TRỪ

- A- Chế độ ăn phù hợp với bệnh đái tháo đường
- B- Tập thể dục đều đặn mỗi ngày
- ☒ C- Biết cách sử dụng kháng sinh khi bị loét chân
- D- Nhận biết các biểu hiện của hạ đường huyết
- E- Biết cách tiêm insulin nếu được chỉ định dùng insulin

57. Hiện tượng Somogyi KHÔNG có tính chất nào sau đây:

- A- Thường gặp đường huyết tăng cao vào buổi sáng
- B- Bệnh nhân có những cơn hạ đường huyết xen lẫn với những lúc tăng đường huyết
- C- Đây là một tình trạng giả tăng đường huyết do phản ứng
- D- Bệnh nhân có thể bị toát mồ hôi, hạ thân nhiệt khi đường huyết thấp
- ☒ E- Để xử trí hiện tượng Somogyi cần phải tăng liều insulin đang dùng

58. Tai biến nào hay gặp nhất khi tiêm insulin nhiều lần tại một chỗ
- A- Trầy da nơi tiêm
  - B- Áp xe nơi tiêm
  - C- Dễ chảy máu
  - ☒ D- Loạn đường mỡ mỡ
  - E- Di ứng nơi tiêm
59. Bệnh nhân nam 40 tuổi, mới được chẩn đoán đái tháo đường typ 2. Để tầm soát biến chứng thận trên bệnh nhân này, xét nghiệm đơn giản nhất được chọn là:
- A- Đạm niệu 24 giờ
  - B- Đạm niệu 12 giờ ban ngày
  - ☒ C- Tỷ số Albumin/creatinin niệu
  - D- Đạm niệu 12 giờ ban đêm
  - E- Tổng phân tích nước tiểu
60. Bệnh nhân đái tháo đường nam 52 tuổi kèm tăng huyết áp ba năm nay. Bệnh nhân được soi đáy mắt để tầm soát biến chứng võng mạc do đái tháo đường. Dấu hiệu nào sau đây là đặc hiệu cho bệnh lý võng mạc đái tháo đường:
- ☒ A- Vi phình mạch hạt lựu
  - B- Dấu bắt chéo động tĩnh mạch
  - C- Dấu xuất huyết
  - D- Dấu động mạch co nhỏ
  - E- Dấu xuất tiết
61. Bệnh nhân nữ 21 tuổi vừa được chẩn đoán đái tháo đường typ 1. Cần tư vấn cho bệnh nhân tầm soát biến chứng mạch máu nhỏ:
- A- Ngay thời điểm chẩn đoán
  - B- Ba năm sau chẩn đoán
  - ☒ C- Năm năm sau chẩn đoán
  - D- Bảy năm sau chẩn đoán
  - E- Mười năm sau chẩn đoán
62. Tác dụng phụ KHÔNG gặp khi dùng thuốc kháng giáp tổng hợp:
- ☒ A- Suy tim tăng cung lượng.
  - B- Giảm bạch cầu hạt.
  - C- Viêm gan.
  - D- Viêm khớp.
  - E- Suy giáp do thuốc
63. Nguyên nhân nào sau gây hội chứng cường giáp:
- A- Viêm giáp Riedel
  - B- Bướu giáp đơn thuần.
  - C- Dùng quá liều thuốc kháng giáp tổng hợp.
  - ☒ D- Bướu giáp nhân độc.
  - E- Thiếu hụt iod.
64. Trong bệnh đái tháo nhạt, tỷ trọng nước tiểu thường có giá trị nào sau đây:
- A- < 1,003
  - ☒ B- < 1,005
  - C- < 1,007
  - D- < 1,010
  - E- < 1,015
65. Trong bệnh To đầu chi rối loạn chuyển hóa nào hay gặp nhất:
- A- Hạ đường huyết
  - ☒ B- Tăng đường huyết
  - C- Tăng natri máu
  - D- Hạ natri máu
  - E- Tăng kali máu
66. Tình trạng nào sau đây có thể ảnh hưởng đến kết quả HbA1c trên bệnh nhân đái tháo đường:
- A- Suy tim.
  - B- Viêm cầu thận cấp
  - ☒ C- Thiếu máu tán huyết
  - D- Nhiễm trùng huyết
  - E- Viêm gan siêu vi B mạn
67. Bệnh nhân nam, 45 tuổi có cha ruột mắc bệnh đái tháo đường. Gần đây bệnh nhân cảm thấy mệt nên đến khám bệnh để tầm soát bệnh đái tháo đường. Xét nghiệm đầu tiên nên tiến hành cho bệnh nhân này là:
- A- Đường huyết hai giờ sau khi bắt đầu ăn
  - ☒ B- Đường huyết đói qua đêm
  - C- Đường huyết hai giờ sau khi uống 75g glucose
  - D- HbA1c
  - E- Đường huyết bất kỳ
68. Trong số các nhóm thuốc điều trị đái tháo đường sau đây, nhóm thuốc nào có tác động ức chế tiết glucagon:
- A- Biguanide
  - B- Ức chế men alpha-glucosidase
  - C- Sulfonylurea
  - ☒ D- Ức chế men DPP-4
  - E- Glinide
69. Phối hợp thuốc đái tháo đường nào sau đây là không đúng nguyên tắc:
- ☒ A- Sulfonylurea kết hợp Glinide
  - B- Sulfonylurea kết hợp Biguanide
  - C- Biguanide kết hợp insuline
  - D- Biguanide kết hợp TZD
  - E- Biguanide kết hợp Glinide
70. Trong bệnh Addison (suy thượng thận mạn), xạ da có tính chất nào:
- A- Xạm da khu trú kèm theo ngứa
  - B- Xạm da niêm toàn thân
  - ☒ C- Xạm da vùng tiếp xúc với ánh sáng mặt trời
  - D- Xạm da kèm theo bong nước
  - E- Xạm da dạng bản đồ



71. Bệnh nhân nữ 60 tuổi đến khám vì hội chứng uống nhiều-tiểu nhiều. Bệnh nhân không ghi nhận triệu chứng gây nhiều và ăn nhiều. Xét nghiệm cận lâm sàng nào nên làm đầu tiên:  
☒ A- Tổng phân tích nước tiểu  
 B- Ion đồ niệu  
 C- Đường huyết đói  
 D- Ion đồ máu  
 E- Uré, creatinin máu
72. Bệnh nhân nữ 53 tuổi đến khám vì buồn nôn. Khám lâm sàng thấy có triệu chứng lâm sàng của hội chứng Cushing. Bệnh nhân có tiền sử hay dùng thuốc tê để điều trị đau nhức khớp. Khoảng 01 tuần trước nhập viện bệnh nhân mới ngưng thuốc. Xét nghiệm nào được đề nghị đầu tiên:  
☒ A- Cortisol máu sáng đói  
 B- Cortisol niệu 24 giờ  
 C- 17-cetosteroid trong nước tiểu  
 D- 17-OH corticoid trong nước tiểu  
 E- ACTH máu sáng đói
73. Kết hợp thuốc nào sau đây trong điều trị bệnh đái tháo đường là sai:  
 A- Biguanides - Sulfamides.  
☒ B- Sulfamides thế hệ I + Sulfamides thế hệ II.  
 C- Sulfamides + Ức chế men alpha-glucosidase.  
 D- Sulfamides - Insuline.  
 E- Sulfamides - Biguanides + Insuline trước khi ngủ.
74. Tác dụng phụ nguy hiểm của nhóm thuốc biguanides:  
 A- Tăng áp lực thẩm thấu.  
☒ B- Nhiễm acid lactic.  
 C- Đau bụng, tiêu chảy.  
 D- Tăng cân.  
 E- Nhiễm ceton.
75. Yếu tố nào sau đây có thể giúp đánh giá mức độ ổn định đường huyết của bệnh nhân:  
 A- Đường huyết đói  
☒ B- Hb A1c  
 C- Đường huyết 2 giờ sau ăn  
 D- Đường niệu  
 E- Vi đạm niệu 24 giờ
76. Câu nào sau đây là đúng đối với nhóm thuốc Thiazolidinedione:  
 A- Kích thích tế bào beta tụy tăng tiết insuline  
 B- Thuốc được dùng chia làm nhiều lần trong ngày trước các bữa ăn  
 C- Tai biến nguy hiểm nhất là hạ đường huyết  
☒ D- Có thể sử dụng được trên bệnh nhân đái tháo đường có suy tim  
☒ E- Phải theo dõi chức năng gan khi sử dụng thuốc
77. Khám mắt (soi đáy mắt) trên bệnh nhân đái tháo đường nên được tiến hành:  
 A- 3 năm một lần  
 B- 2 năm một lần  
☒ C- 1 năm một lần  
 D- 3 tháng một lần  
 E- 4 tháng một lần
78. Trong những thuốc viên hạ đường huyết uống, những thuốc nào được khuyến cáo nên uống cùng với miếng ăn đầu tiên:  
 A- Biguanide  
 B- Ức chế men alpha glucosidase  
 C- Thiazolidine-dione  
 D- Sulfonylurea  
☒ E- Glinide
79. Triệu chứng nào sau đây không gặp trong hội chứng cường giáp:  
 A- Mất ngủ.  
☒ B- Da ẩm lạnh.  
 C- Sút cân dù ăn nhiều.  
 D- Uống nhiều, tiểu nhiều.  
 E- Đỏ mồm hôi nhiều
80. Tồn thương xương khớp hay gặp trong bệnh To đầu chi là:  
☒ A- Viêm dính khớp  
 B- Viêm khớp cấp  
 C- Viêm khớp dạng thấp  
 D- Thoái khớp  
 E- Hoại tử đầu xương vô trùng
81. Tầm soát đái tháo đường, chọn câu đúng  
☒ A- Chỉ tầm soát đái tháo đường tip 2 để phát hiện tiền đái tháo đường  
 B- Tỷ lệ đái tháo đường tip 1 cao nên đái tháo đường tip 1 cũng cần tầm soát  
 C- Không cần tầm soát đái tháo đường ở trẻ em dù có yếu tố nguy cơ  
 D- Không cần tầm soát đái tháo đường thai kì vì rất ít gặp  
 E- Tất cả các loại đái tháo đường đều cần tầm soát để điều trị sớm
82. Tầm soát đái tháo đường tip 2 cho tất cả đối tượng trên 45 tuổi không có yếu tố nguy cơ nên thực hiện:

- A. Mỗi 5 năm một lần  
☒ B. Mỗi 4 năm một lần  
☐ C. Mỗi 3 năm một lần  
D. Mỗi 2 năm một lần  
E. Mỗi năm một lần
83. Đối với người < 45 tuổi, tầm soát đái tháo đường tip 2 khi BMI > 25 kg/m<sup>2</sup> và kèm ≥ 1 trong yếu tố nào sau đây, chọn câu SAI  
A. Ít vận động  
B. Cha hoặc mẹ bị đái tháo đường tip 2  
C. Tăng huyết áp, hay tăng triglyceride, giảm HDL  
☒ D. Có tiền căn viêm tụy mạn hay xơ sỏi tụy trước đây  
E. Lâm sàng có triệu chứng đề kháng Insulin: gai đen, béo phì...
84. Xét nghiệm nào tầm soát đái tháo đường tip 2 chính xác, dễ thực hiện và kinh tế nhất  
A. Đường huyết đói tĩnh mạch  
☒ B. Đường huyết đói mao mạch  
C. Đường huyết bất kì  
D. Nghiệm pháp dung nạp 75g glucose  
E. HbA1c
85. Phòng ngừa bệnh đái tháo đường nên  
A. Giảm cân ít nhất 7%  
B. Vận động ít nhất > 150 phút /tuần  
C. Có thể phối hợp thuốc Metformin (đặc biệt BMI > 35kg/m<sup>2</sup>, < 60 tuổi, có hay không có đái tháo đường thai kỳ)  
D. Tầm soát và điều trị yếu tố nguy cơ tim mạch  
☒ E. Tất cả đều đúng
86. Thay đổi lối sống để phòng ngừa bệnh đái tháo đường bao gồm, chọn câu SAI:  
A. Tăng vận động thể lực  
☒ B. Giảm cân và giữ cân mức thấp BMI nên < 18.5  
C. Chế độ ăn uống phù hợp giảm ngọt, béo và muối, tăng chất xơ, trái cây và rau xanh  
D. Bỏ thói quen hút thuốc, bia rượu  
E. Sống tích cực, tập giảm stress trong cuộc sống
87. Dự phòng đái tháo đường bao gồm bao nhiêu cấp độ:  
A. 1 cấp độ  
☒ B. 2 cấp độ  
C. 3 cấp độ  
D. 4 cấp độ  
E. 5 cấp độ
88. Dự phòng đái tháo đường cấp 1 là:  
☒ A. Phòng cho những người có yếu tố nguy cơ  
B. Phòng cho những người đã mắc bệnh đái tháo đường  
C. Làm chậm xuất hiện biến chứng  
D. Giảm mức độ nặng của biến chứng  
E. Tất cả đều đúng
89. Nội dung của dự phòng cấp 1 để phòng chống đái tháo đường: CHỌN CÂU SAI  
A. Tập trung trên đối tượng nguy cơ cao đái tháo đường  
B. Xác định các đối tượng có nguy cơ cao đái tháo đường  
C. Tầm soát đái tháo đường trên nhóm nguy cơ cao  
D. Điều trị và / hoặc kiểm soát yếu tố nguy cơ  
☒ E. Kiểm soát đường huyết tích cực
90. Yếu tố giúp chăm sóc tốt bệnh nhân đái tháo đường (dự phòng cấp 2):  
A. Chẩn đoán sớm đái tháo đường  
B. Điều trị và theo dõi đường huyết thường xuyên  
C. Tầm soát và phát hiện sớm biến chứng, điều trị biến chứng  
D. Giáo dục bệnh nhân đái tháo đường tự chăm sóc  
☒ E. Tất cả đều đúng
91. Chăm sóc và khám định kỳ bệnh nhân đái tháo đường: CHỌN CÂU ĐÚNG  
A. Thử đường huyết nhiều lần mỗi ngày cho tất cả bệnh nhân  
B. HbA1c mỗi 1 – 2 tháng  
☒ C. Kiểm tra tất cả biến chứng mạn ở bệnh nhân đái tháo đường tip 2 mới chẩn đoán  
D. Bắt đầu kiểm tra biến chứng mạn ở bệnh nhân đái tháo đường tip 1 sau 10 năm chẩn đoán  
E. Không để bệnh nhân tự chăm sóc ban đầu.
92. Tầm soát biến chứng thận cho bệnh nhân đái tháo đường chưa biến chứng:



- ☒ A. Thời điểm tầm soát là đái tháo đường tip 2 mới chẩn đoán và đái tháo đường tip 1 sau 5 năm
- B. Xét nghiệm nước tiểu tìm đạm niệu mỗi 3 năm
- C. Xét nghiệm creatinine máu và eGFR mỗi 6 tháng
- D. Chồng chỉ định điều trị ức chế men chuyển hay ức chế thụ thể khi có đạm niệu
- E. Kiểm soát huyết áp và đường huyết không giúp cải thiện biến chứng thận
93. Tầm soát biến chứng mạch vành cho bệnh nhân đái tháo đường chưa biến chứng:
- A. Thời điểm tầm soát là đái tháo đường tip 2 mới chẩn đoán và đái tháo đường tip 1 sau 10 năm
- B. Thực hiện ECG mỗi năm cho tất cả bệnh nhân
- C. Thực hiện siêu âm tim mỗi năm cho tất cả bệnh nhân
- D. Thực hiện X-quang tim phổi mỗi năm cho tất cả bệnh nhân
- ☒ E. Tất cả đều đúng
94. Giáo dục cho bệnh nhân đái tháo đường:
- A. Giáo dục kiến thức cơ bản về bệnh đái tháo đường
- B. Giáo dục về chế độ ăn và vận động thể lực
- C. Giáo dục về nhận biết hạ (tăng) đường huyết, chăm sóc bàn chân
- D. Giáo dục về thuốc điều trị (tự chích Insulin), tự theo dõi đường huyết bằng máy thử cá nhân
- ☒ E. Tất cả đều đúng
95. Bệnh nhân nữ 60 tuổi bị Basedow được điều trị với iod phóng xạ ( $I-131$ ), tái khám sau 06 tháng thấy bướu giáp độ 1 lan tỏa và TSH tăng cao. Điều trị thích hợp cho bệnh nhân này là:
- A. PTU
- B. Levothyroxine
- ☒ C. Iod  $I-131$  lần 2
- D. Phẫu thuật cắt bỏ tuyến giáp
- E. Ức chế beta
96. Bệnh Basedow là bệnh tự miễn hay gặp nhất trong nhóm đối tượng nào:
- A. Nữ gấp 2 lần nam
- B. Nam gấp 2 lần nữ
- ☒ C. Nữ gấp 7 lần nam
- D. Nam gấp 7 lần nữ
- E. Nam nữ gặp như nhau
97. Các chỉ định tìm thể ceton, chọn câu SAI:
- A. Khi đường huyết > 300 mg/dl.
- B. ĐTD có nhiễm trùng nặng kèm theo.
- C. ĐTD tip 1 bỏ chích insulin.
- ☒ D. ĐTD tip 2 ổn định tái khám định kỳ, đang điều trị thuốc uống.
- E. Đường huyết mới phát hiện có dấu hiệu mất nước.
98. Tự theo dõi đường huyết bằng máy đo đường huyết cá nhân, chọn câu SAI:
- ☒ A. Phải rút máu tĩnh mạch để thử.
- B. Giúp phát hiện nhanh tình trạng hạ đường huyết.
- C. Có thể giúp tự đánh giá hiệu quả điều trị.
- D. Có thể theo dõi đường huyết nhiều thời điểm trong ngày.
- E. Cung cấp diễn biến đường huyết trong ngày cho bác sĩ điều trị.
99. Ở phụ nữ, nên tầm soát đái tháo đường sớm trên đối tượng nào sau đây:
- A. Người có lối sống tĩnh tại
- ☒ B. Hội chứng buồng trứng đa nang
- C. Có thói quen ăn vặt
- D. Người lao động nặng
- E. Hay thêm ngọt
100. Tập luyện thể lực trên bệnh nhân đái tháo đường typ 2, cần khuyến bệnh nhân mang theo gì trong túi:
- ☒ A. Vài viên kẹo
- B. Một hộp sữa tươi không đường
- C. Một hộp sữa ăn kiêng chuẩn bị sẵn
- D. Một ổ bánh mì
- E. Một thanh sôcôla đen